

Bản án số: 143/2020/HS-PT

Ngày: 17/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Ông Nguyễn Gia Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 235/TLPT-HS, ngày 01/10/2020 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 84/2020/HS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Ngô Thị T và 03 con, con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 16/01/2002; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn Q và bà Lưu Thị S; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Lưu Văn T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lưu Văn C và bà Nguyễn Thị N; có vợ

là Đoàn Thị B và có 04 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12 con ông Nguyễn Văn D (Đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Đỗ Thị L và có 03 con, con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12 con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12 con ông Nguyễn Mạnh C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Đỗ Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, Tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 20/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 23/3/2020. Hiện bị cáo tại ngoại (vắng mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Ngày 28/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và phạt 3.000.000đồng về tội Đánh bạc. Tổng số tiền trong bàn bạc (3.670.000đồng). Bị cáo chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 28/9/2015.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo khác do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hồi 14 giờ 35 phút ngày 20/3/2020, tại phòng ngủ tầng 2 nhà ở của gia đình bị cáo Nguyễn Văn T4, Công an huyện V bắt quả tang bị cáo T4 cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng”. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

Thu tại bàn bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 tấm thảm vải màu đỏ và số tiền 5.600.000 đồng.

Thu trên người các bị cáo: 07 điện thoại và 4.000.000 đồng, cụ thể: bị cáo T1 01 điện thoại Iphone 6S, C 01 điện thoại Oppo màu đen, T2 01 điện thoại Oppo

màu xanh ,T3 01 điện thoại Oppo màu trắng, T5 01 điện thoại Sam sung màu đen và 4.000.000 đồng, Đ: 01 điện thoại Iphone màu đen, T: 01 điện thoại Mobistar

Hành vi đánh bạc của các bị cáo như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 20/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn T4 đang ở nhà thì lần lượt có T2, T, T3, Đ đến ngồi chơi uống nước. Sau đó T2, T, T3, Đ rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng. Bị cáo T xin T4 cho các bị cáo đánh bạc nhờ, T4 đồng ý. Bị cáo T4 cho các bị cáo lên phòng ngủ tầng 02 đồng thời lấy 01 bộ bài để xuống thăm đã chải sẵn ở nền nhà cho các bị cáo đánh bạc.

Các bị cáo thống nhất mức tiền chơi và hình thức chơi như sau: góp gà mỗi người 10.000 đồng, tiền tổ thấp nhất 10.000 đồng trở lên.

Hình thức chơi: Bắt đầu mỗi ván, mỗi người góp 10.000VNĐ để vào giữ chiếu gọi là “tiền gà”, sau đó một người lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân, chia bài cho mỗi người 3 quân, khi chia xong, mọi người cầm bài lên xem, nếu ai thấy bài mình to hoặc có số điểm cao có thể ăn Đ thì đặt thêm tiền (gọi là tiền tố), mức đặt tùy ý nhưng thấp nhất 10.000 đồng. Những người còn lại ai thấy điểm bài của mình cũng cao, có thể ăn Đ thì đặt tiền theo, ai thấy bài mình thấp không ăn Đ thì tự úp bài xuống (coi như mất “tiền gà” đã đặt). Sau đó, những người tố với nhau mở bài ra so điểm, bài ai to nhất hoặc có điểm cao nhất thì Đ ăn T1 bộ số tiền gà và tiền tố. Nếu chỉ có một người tố, những người còn lại không theo thì người tố Đ ăn T1 bộ tiền gà. Ngoài ra trong ván chơi, ai Đ liêng đồng hoa thì những người chơi còn lại phải nộp cho người Đ liêng đồng hoa 30.000đồng, nếu ai Đ sấp thì những người chơi còn lại phải nộp cho người Đ sấp 50.000đồng. Người thắng ván trước Đ chia bài ván tiếp theo và là người Đ quyền tố đầu tiên, lần lượt quyền tố theo chiều kim đồng hồ.

Cách tính điểm: điểm to Đ tính từ A (át) đến K, Q, J, 10, 9,.....2 là thấp nhất. Nếu bài ai có 3 quân hàng ngang là có "Sáp" (3 quân Át là "sáp" to nhất, nếu không có 3 quân A thì 3 quân K là "sáp" to nhất...). Nếu không ai có "sáp" thì tính đến "liêng" tức là có 3 quân hàng dọc liền nhau (QKA là to nhất; tính dần xuống JQK ...). Nếu không ai có "Sáp" hoặc "Liêng" thì tính đến "Ảnh", tức là 03 quân bài có hình người (Q K K; Q Q K; J J K..) cao nhất là cây K, thấp nhất là cây J. Nếu ván đó không ai có "Sáp", "Liêng", "Ảnh" thì tính điểm bằng cách cộng ba cây bài với nhau, ai Đ 9 điểm là cao nhất (khi cộng điểm, quy định 10, J, Q, K tính là điểm 0; Át là điểm 1, các quân còn lại tính điểm theo các số ghi ở các quân bài).

Trong khi các bị cáo đánh bạc thì có C, T5, T1 đến đánh bạc cùng.

Nguyễn Văn T có 200.000đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc. T đánh bạc Đ khoảng 20 phút thì bị thua hết tiền nên vay của T4 1.100.000đồng để tiếp tục đánh bạc.

Nguyễn Văn T3 có 900.000đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc. Khi Công an phát hiện bắt quả tang số tiền bị cáo đánh bạc để ở chiếu bạc nên không biết thắng hay thua

Lưu Văn T2 có 900.000đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc. Khi Công an phát hiện bắt quả tang số tiền bị cáo đánh bạc để ở chiếu bạc nên không biết thắng hay thua.

Nguyễn Văn Đ có 630.000đồng để đánh bạc. Đ cùng mọi người đánh bạc đến khoảng 14 giờ 35 phút cùng ngày thì Công an phát hiện bắt quả tang nên không biết thắng hay thua, T1 bộ số tiền dùng đánh bạc vớt ở chiếu đã bị Công an thu giữ cùng với số tiền có trên bàn bạc.

Nguyễn Văn T5 đến nhà bị cáo T4 vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, khi đến thì đã có T, T2, T3, Đ đang đánh bài liêng trên tầng 2 nhà T4 nên bị cáo tham gia đánh cùng. T5 có 4.500.000đồng trong người, bị cáo chỉ bỏ ra 500.000đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc, số tiền còn lại đút trong người không dùng đánh bạc. khi Công an phát hiện bắt quả tang nên không biết thắng hay thua, T1 bộ số tiền dùng đánh bạc vớt ở chiếu đã bị Công an thu giữ cùng với số tiền có trên bàn bạc.

Nguyễn Văn T1 đến nhà bị cáo T4 vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, khi đến thì đã có T, T3, T2, T5, Đ đang đánh bài liêng trên tầng 2 nhà T4 nên bị cáo tham gia đánh bạc cùng. T1 có 1.000.000 đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc. Khi Công an phát hiện bắt quả tang nên không biết thắng hay thua, T1 bộ số tiền dùng đánh bạc vớt ở chiếu đã bị Công an thu giữ cùng với số tiền có trên bàn bạc.

Nguyễn Văn C đến nhà bị cáo T4 vào khoảng 13 giờ ngày 20/3/2020, C đến nhà T4 thấy T, T3, T2, T5, Đ, T1 đang đánh bài liêng ăn tiền trên tầng 2 nhà T4 nên tham gia đánh bạc cùng. C có 370.000 đồng để xuống bàn bạc cạnh chỗ ngồi để đánh bạc. Khi Công an phát hiện bắt quả tang nên không biết thắng hay thua, T1 bộ số tiền dùng đánh bạc vớt ở chiếu đã bị Công an thu giữ cùng với số tiền có trên bàn bạc.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 75 ngày 10/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn T4, Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 84/2020/HS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 08 (T4) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 12.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T2 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử phạt các bị cáo khác và về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 19/8/2020 bị cáo Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin hưởng án treo, giảm tiền phạt và án phí. Ngày 14/8/2020, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 13/8/2020, bị cáo Lưu Văn T2 và bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T3 đều kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo chỉ kháng cáo xin Đ hưởng án treo, các bị cáo trình bày:

Bị cáo T1 gia đình hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ ly thân, bị cáo ở với mẹ, đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và tiền án phí.

Bị cáo Đ có bố mẹ già, bị cáo là trụ cột trong gia đình, đã nộp 2.500.000đ tiền phạt.

Bị cáo T2 gia đình bị cáo neo đơn, vợ mất sớm, mẹ già hết tuổi lao động, có 04 con nhỏ. Bị cáo đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và tiền án phí.

Bị cáo T3 có gia đình hoàn cảnh khó khăn, có 03 con nhỏ, đã nộp 2.400.000đ tiền phạt.

Bị cáo T có bố mẹ già, 02 con còn nhỏ, đã nộp 7.400.000đ tiền phạt và tiền án phí.

Bị cáo C vắng mặt tại phiên tòa, kháng cáo với lý do: Án sơ thẩm xử nặng, bố bị cáo bị bệnh đái tháo đường tuýp 2, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ Đ hưởng án treo. **Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, xử y án sơ thẩm.**

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ nói lời sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo Đ hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Về việc vắng mặt bị cáo C có kháng cáo: bị cáo Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa tuy nhiên bị cáo vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy đủ cơ sở xác định:

Từ 12 giờ đến 14 giờ 35 phút ngày 20/3/2020, tại phòng ngủ tầng hai nhà ở của gia đình bị cáo Nguyễn Văn T4 ở thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C đã có hành vi đánh liêng, được thua bằng tiền. Bị cáo T4 là chủ nhà là người cho các bị cáo mượn địa điểm, mượn bộ bài và cho bị cáo T mượn tiền để đánh bạc, nhưng bị cáo T4 không thu tiền của các bị cáo còn lại và không được lợi gì.

Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C thì thấy:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trong lĩnh vực quản lý xã hội của nhà nước. Mặt khác hành vi phạm tội Đánh bạc của các bị cáo cũng là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn và tội phạm khác trong xã hội. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đánh bạc có đồng phạm dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Theo quy định tại điều 17 Bộ luật hình sự, trong một vụ án có đồng phạm vai trò được sắp xếp theo thứ tự: Người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Trong nhóm người thực hành: Bị cáo T đánh bạc từ đầu, số tiền đánh bạc lớn nhất có vai trò cao nhất. Các bị cáo T3, T2, Đ tham gia đánh bạc từ đầu số tiền đánh bạc thấp hơn bị cáo T cùng với bị cáo T1 đến sau nhưng có số tiền đánh bạc lớn thứ 02 nên xếp các bị cáo trên có vai trò thứ 02 sau bị cáo T. Các bị cáo T5, C tham gia đánh bạc sau, thời gian và số tiền đánh bạc thấp nhất xếp vai trò thứ 03. Bị cáo T4 cho các bị cáo mượn địa điểm, cho bị cáo T mượn tiền là người tạo điều kiện về vật chất cho các bị cáo phạm tội xếp vai trò cuối cùng trong vụ án.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Ngọc T có bố được tặng thưởng huân chương kháng C hạng nhì. Cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo trên; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cho 05 bị cáo có kháng cáo trên (bị cáo C không được áp dụng tình tiết này). Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo T, C.

Trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 đã nộp tiền phạt và tiền án phí, đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS Hội đồng xét xử cần áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có nơi cư trú ổn định, thành phần con em người dân lao động, hành vi

phạm tội đối với các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn. Tại cấp phúc thẩm xuất hiện tình tiết giảm nhẹ TNHS mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần T2 buộc phải cách ly các bị Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người tốt. Các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 được hưởng án treo để phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C thì thấy: Bị cáo C có nhân thân xấu, năm 2015 đã bị xử phạt về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Án sơ thẩm đã xem xét vai trò mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và buộc phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật và đảm bảo đấu tranh phòng chống loại tội phạm đánh bạc ngày càng gia tăng trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Lý do kháng cáo mà bị cáo đưa ra để xin hưởng án treo và xin giảm nhẹ hình phạt cũng không thỏa mãn yêu cầu của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần bác đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do Đ chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **06 (sáu) tháng tù** về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng Đ trù thời gian tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 23/3/2020.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **08 (T4) tháng** tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T2 **07 (bảy) tháng** tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 **07 (bảy) tháng** tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **07 (bảy) tháng** tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **07 (bảy) tháng** tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 **cho UBND xã T, V, Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.**

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận các **bị cáo** Nguyễn Ngọc T, Lưu Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T1 **đã nộp tiền phạt và án phí như sau:** Nguyễn Văn Đ **đã nộp 2.500.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000909 ngày 17/11/2020**, Nguyễn Văn T3 **đã nộp 2.400.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000908 ngày 17/11/2020**, Nguyễn Văn T1 **đã nộp 10.400.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000905 ngày 17/11/2020**, Nguyễn Ngọc T **đã nộp 7.400.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000904 ngày 17/11/2020**, Lưu Văn Thiết **đã nộp 10.400.000đ tại biên lai thu tiền số: AA/2015/0000903 ngày 17/11/2020** đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung